

Bản án số: 916/2017/DSPT

Ngày: 28/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm Phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Trường Sanh**

Các thẩm phán: 1/ Bà **Nguyễn Thị Huyền**

2/ Ông **Nguyễn Bá Thịnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Liễu**, Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thùy**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2017/TLPT-DS ngày 12/7/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DSST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1767/2017/QĐPT-DS ngày 14/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 4945/2017/QĐPT-DS ngày 14/9/2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đào Thị Bé N**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 13/9 ấp 1, xã A, huyện B, TP. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà **Trương Thị Đ**, sinh năm 1966

Địa chỉ: 14/9D ấp 2, xã B, huyện A, TP. Hồ Chí Minh

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Lê Quang M**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 13/9 ấp 1, xã A, huyện B, TP.HCM

2/ Ông **Trương Văn B**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 14/9D ấp 2, xã B, huyện A, TP.HCM

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2016, bản tự khai ngày 29/12/2016 và ngày 11/04/2017, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 11/04/2017 của nguyên đơn có Bà Đào Thị Bé N trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà N có cho Bà Trương Thị Đ vay mượn số tiền 111.000.000 đồng, hai bên có ký và xác lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng A ngày 09/04/2016, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận 3%/tháng, sau đó bà Đ có trả cho bà N số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền bà N cho bà Đ vay là tài sản riêng của bà N, không phải là tài sản chung của vợ chồng bà N (chồng bà N là Ông Lê Quang M). Nay bà N yêu cầu vợ chồng Bà Trương Thị Đ và Ông Trương Văn B có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay nợ còn thiếu là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn Bà Đào Thị Bé N yêu cầu Bà Trương Thị Đ trả số tiền nợ gốc 105.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 10/2016 đến thời điểm xét xử là 5.512.500 đồng (787.500 đồng/tháng x 7 tháng), tổng cộng là 110.512.500 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 22/03/2017; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 11/04/2017 của bị đơn – Bà Trương Thị Đ trình bày như sau :

Bà Đ xác nhận có vay của Bà Đào Thị Bé N số tiền 111.000.000 đồng, hai bên có ký và xác lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng A ngày 09/04/2016, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận 5%/tháng, bà Đ đã trả 6.000.000 đồng cho bà N. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà Đ trả lãi cho bà N đến tháng 10/2016 thì ngưng. Nay bà Đ yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ là 105.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 10/2016 đến nay bà Đ không đồng ý trả vì không có khả năng trả lãi.

Số tiền vay mượn nêu trên không liên quan gì đến chồng bà Đ là Ông Trương Văn B, bản thân bà Đ tự có trách nhiệm trả nợ cho bà N.

Tại phiên Tòa Bà Trương Thị Đ không đồng ý trả ngay một lần số tiền nợ 105.000.000 đồng, bà Đ yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền mượn nợ 105.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi cho bà N.

Tại bản tự khai ngày 22/03/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ông Lê Quang M trình bày như sau:

Ông M là chồng của Bà Đào Thị Bé N, vợ chồng ông M và bà Đ đăng ký kết hôn hợp pháp. Số tiền vợ ông M cho Bà Trương Thị Đ vay là tài sản riêng của vợ ông M, nên tự vợ ông M toàn quyền quyết định, ông M Không Liên quan.

Tại phiên tòa ông M vắng mặt và nộp đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 11/04/2017; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 11/04/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ông Trương Văn B trình bày như sau:

Ông B là chồng của Bà Trương Thị Đ, vợ chồng Ông B và bà Đ có đăng ký kết hôn hợp pháp. Việc mượn tiền giữa vợ Ông B và Bà Đào Thị Bé N như thế nào Ông B không biết, Ông B không liên quan, tự vợ ông B giải quyết số tiền nợ cho bà N, Ông B không có trách nhiệm trả nợ cho bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 09/05/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đào Thị Bé N đòi Bà Trương Thị Đ trả số tiền 105.000.000đồng và tiền lãi 5.512.500đồng, tổng cộng là 110.512.500đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà Trương Thị Đ xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi hết số mượn nợ là 105.000.000đồng và không đồng ý trả lãi.

Hai bên thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 08/06/2017. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 31/QĐKNPT đã quyết định : Kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị phúc xử theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất và phần tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Phía nguyên đơn Bà Đào Thị Bé N không yêu cầu phía bị đơn Bà Trương Thị Đ phải trả số tiền lãi là 5.512.500đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc là 105.000.000đồng..

Phía bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền 2.000.000đồng mỗi tháng cho đến khi hết số tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa hôm nay. Đối với các đương sự đã được đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với phần

lãi suất và phần tố tụng của bản án sơ thẩm. Xét, phần lãi suất mà các bên đương sự thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm là 3%/tháng và tại phiên tòa phúc thẩm là 5%/tháng là cao hơn quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn là Bà Đào Thị Bé N chỉ yêu cầu phía bị đơn Bà Trương Thị Đ trả số tiền nợ gốc là 105.000.000đồng, không yêu cầu trả số tiền lãi là 5.512.000đồng. Xét đây là sự tự nguyện của bà N nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Về phần tố tụng: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải phía bà N yêu cầu vợ chồng bà Đ và Ông Trương Văn B trả hai khoản tiền vay là 111.000.000đồng và 50.000.000đồng. Ngày 11/4/2017, bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đồng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N rút lại yêu cầu buộc Ông B liên đới trả nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi vào phần nhận định và quyết định trong bản án sơ thẩm về việc rút yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn không yêu cầu phía bị đơn phải trả số tiền lãi là 5.512.000đồng và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Ông Trương Văn B cùng liên đới trả nợ 105.000.000đồng và khoản vay 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 09/4/2016, Bà Đào Thị Bé N và Bà Trương Thị Đ có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng A với số tiền vay là 111.000.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Hai bên đương sự bà N và bà Đ đều thừa nhận phía bà Đ đã trả cho bà N được 6.000.000đồng, còn nợ lại 105.000.000đồng.

Xét Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận thấy: Về phần lãi suất: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự bà N và bà Đ đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận của hợp đồng vay là 5%/ tháng và phía bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn được hai tháng là 10.000.000đồng là vượt quá quy định của pháp luật nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 105.000.000đồng, không yêu cầu phía bị đơn trả số tiền lãi như bản án sơ thẩm tuyên là 5.512.000đồng. Xét đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn. nên không xem xét về phần lãi suất. Phía bị đơn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu này của phía bị đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của phía bị đơn.

Mặt khác, tại đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản hòa giải phía nguyên đơn bà Đặng Thị Bé Năm yêu cầu vợ chồng Bà Trương Thị Đ và Ông Trương Văn B trả hai khoản vay là 111.000.000đồng và 50.000.000đồng. Ngày 11/4/2017, bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đồng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với phần buộc Ông B liên đới trả nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi vào phần nhận định và quyết định trong bản án về việc chấp nhận việc rút yêu cầu này của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm như phân tích trên. Xét đề nghị này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 09/05/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Đào Thị Bé N buộc Ông Trương Văn B liên đới trả nợ và yêu cầu đối với số tiền 50.000.000đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Đào Thị Bé N đòi Bà Trương Thị Đ trả số tiền 105.000.000đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Đào Thị Bé N không yêu cầu Bà Trương Thị Đ trả số tiền lãi là 5.512.500đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà Trương Thị Đ trả dần số tiền mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi hết số nợ và không đồng ý trả lãi.

Hai bên thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bà Đ chậm trả số tiền nêu trên thì bà Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu 5.525.625đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà N 4.599.500đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0020938 ngày 18/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP HCM
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện.A;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

Lưu Trường Sanh